

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 8 - 2022.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và bà Trần Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Bùi Lệ T, sinh năm 1987.

**\* Bị đơn:** Anh Lưu Phú G, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh G vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Lệ T đều khai:

Chị và anh Lưu Phú G lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/4/2015 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 tháng và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình chồng, được một thời gian thì vợ chồng ở riêng, vợ chồng sống hạnh phúc

đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mặt khác còn do anh G không quan tâm đến gia đình vợ con, đi làm bao nhiêu năm nhưng anh G không đưa tiền cho chị nuôi con và sinh hoạt gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Lưu Phú G.

\* Trong bản tự khai ngày 29/7/2022, anh Lưu Phú G trình bày:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn giữa anh và chị Bùi Lệ T như chị T khai là đúng. Sau kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, có vài lần vợ chồng cãi nhau và xô sát với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin đoàn tụ.

\* Về con chung: Các đương sự thống nhất, xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lưu Phú Tuấn A (con trai), sinh ngày 08/01/2017. Trường hợp các bên ly hôn, cả chị T và anh G đều thống nhất giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Con nuôi, con riêng: Các đương sự thống nhất xác định không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

\* Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quan điểm của UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam: Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh G tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

\* Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Xử lý hôn giữa chị Bùi Lệ T và anh Lưu Phú G.

+ Về con chung: Giao cháu Lưu Phú Tuấn A cho chị T được tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh G được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

+ Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lưu Phú G có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Bùi Lệ T và anh Lưu Phú G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án đã tiến tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Lệ T và anh Lưu Phú G là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2015 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Lệ T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau kết hôn, vợ chồng chị T anh G đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, nhiều lần mâu thuẫn vợ chồng có cãi nhau và xô sát với nhau, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên xử cho chị T ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung là cháu Lưu Phú Tuấn A (con trai), sinh ngày 08/01/2017. Nếu ly hôn, chị T và anh G cùng thống nhất giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị T và anh G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Con nuôi, con riêng: Chị T và anh G thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện nay chị T không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa chị Bùi Lệ T và anh Lưu Phú G.

[2] Về con chung: Giao chị Bùi Lệ T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Lưu Phú Tuấn A (con trai), sinh ngày 08/01/2017 cho đến khi cháu Tuấn A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh G không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Lệ T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000361 ngày 15/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị T và anh G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường L,  
TP P, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Phạm Duy**